

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GC
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66 /2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29-4-2022
V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GC, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thưa.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Võ Thị Bích Liên;

2. Ông Phạm Đăng Khoa;

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã GC, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 07/2022/TLST–HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 03 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 48/2022/QĐHPT – HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Văn TH**, sinh năm 1965; (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp TH, xã LT, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang

2. *Bị đơn:* Chị **Phạm Thị TH T**, sinh năm 1977; (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp TH, xã LT, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Văn TH trình bày:*

Anh và chị T xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LT, thị xã GC, Tiền Giang vào ngày 24 tháng 3 năm 2021. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do cả hai không cùng quan điểm sống thường hay cãi nhau mặc dù đã cố gắng hàn gắn nhưng không được, anh chị đã ly thân từ năm 2021 đến nay. Nay tình cảm không còn anh TH yêu cầu ly hôn với chị T.

- Về con chung: Có 01 người con chung tên Nguyễn Phạm Huỳnh Anh, sinh năm 1999. Hiện tại con chung đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn chị Phạm Thị TH T mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng chị vắng mặt không lý do, không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh TH có đơn khởi kiện đối với chị T. Bị đơn có nơi cư trú tại xã LT, thị xã GC nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh TH xin ly hôn với chị T, căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình nên quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn”.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh TH có đơn xin vắng mặt; Bị đơn chị T vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ. Căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[4] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị T chung sống với anh TH từ năm 1998 và được Ủy ban nhân dân xã LT, thị xã GC, Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 17/2021 ngày 24 tháng 3 năm 2021 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Thời gian chung sống đến cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, mặc dù đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng không được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên đã ly thân từ đó cho đến nay. Đối với bị đơn chị T từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay vắng mặt không lý do, cho thấy chị T không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa anh TH và chị T đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, thời gian ly thân đã lâu mà chị T và anh TH cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm. Do đó, yêu cầu ly hôn của anh TH là có cơ sở để chấp nhận. Căn cứ vào Điều 56 luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh TH đối với chị T.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Phạm Huỳnh Anh, sinh năm 1999. Hiện tại con chung đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[5]. Về án phí: Anh TH phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn TH.

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn TH được ly hôn với chị Phạm Thị TH T.
2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn TH phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0006608 ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã GC, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, anh TH đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.
3. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Trường hợp đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TG;
- VKSND TXGC;
- C.C THADS TXGC;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Thừa